

Ngày thi: 09/05/2015

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				SỐ	CHỮ	
1	1812219482	Đặng Thị Hoàng Anh	N18KDN1	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
2	1813119327	Phạm Tuấn Anh	N18TPM3	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
3	1813119330	Phạm Ngọc Bảo	N18TPM2	8.0	Tám	ĐẠT
4	1813219485	Nguyễn Ngọc Châu	N18KDN3	5.0	Năm	ĐẠT
5	1813119335	Nguyễn Mạnh Cường	N18TPM3	5.0	Năm	ĐẠT
6	1813219490	Đỗ Mạnh Cường	N18KDN3	5.0	Năm	ĐẠT
7	1813119336	Huỳnh Bá Danh	N18TPM1	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
8	1813119344	Trương Phan Thành Đạt	N18TPM4	6.0	Sáu	ĐẠT
9	1813119345	Nguyễn Thành Đạt	N18TPM1	6.0	Sáu	ĐẠT
10	1813119346	Trần Hoàng Diệp	N18TPM3	7.0	Bảy	ĐẠT
11	1813119347	Bùi Xuân Đoài	N18TPM3	5.0	Năm	ĐẠT
12	1812219492	Nguyễn Thị Phương Dung	N18KDN1	7.0	Bảy	ĐẠT
13	1812219493	Phạm Thị Thùy Dung	N18KDN3	5.0	Năm	ĐẠT
14	1812219496	Lê Thùy Dương	N18KDN3	6.0	Sáu	ĐẠT
15	1813119341	Nguyễn Tấn Dương	N18TPM3	5.0	Năm	ĐẠT
16	1813119340	Lâm Ngọc Duy	N18TPM1	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
17	1813119352	Trần Thanh Hà	N18TPM4	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
18	1812219503	Đỗ Thanh Minh Hạnh	N18KDN4	5.0	Năm	ĐẠT
19	1812219507	Võ Vương Hiền	N18KDN1	5.0	Năm	ĐẠT
20	1812219509	Nguyễn Thị Diệu Hiền	N18KDN1	6.0	Sáu	ĐẠT
21	1813119360	Phan Trọng Quang Hiền	N18TPM3	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
22	1813119361	Lê Văn Hiên	N18TPM2	5.0	Năm	ĐẠT
23	1813119363	Mai Phước Hiệp	N18TPM4	5.0	Năm	ĐẠT
24	1813119364	Trần Tấn Hiếu	N18TPM4	9.0	Chín	ĐẠT
25	1813119365	Nguyễn Chí Hiếu	N18TPM3	5.0	Năm	ĐẠT
26	1813119366	Nguyễn Trung Hiếu	N18TPM1	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
27	1813219511	Đặng Văn Hiếu	N18KDN1	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
28	1812219512	Lê Ngọc Hoa	N18KDN3	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
29	1812219513	Trương Thị Hòa	N18KDN4	8.0	Tám	ĐẠT
30	1813119372	Ngô Khánh Hoàng	N18TPM1	7.0	Bảy	ĐẠT
31	1813119373	Nguyễn Quang Minh Hoàng	N18TPM1	8.0	Tám	ĐẠT
32	1813219516	Trần Minh Hoàng	N18KDN1	8.0	Tám	ĐẠT
33	1812219527	Nguyễn Thị Hương	N18KDN2	5.0	Năm	ĐẠT
34	1813119377	Trần Quốc Huy	N18TPM2	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					SỐ	CHỮ	
35	1813119378	Lê Nho Bảo	Huy	N18TPM3	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
36	1813119379	Huỳnh Bá	Huy	N18TPM3	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
37	1812219522	Bùi Thị	Huyền	N18KDN2	3.0	Ba	KHÔNG ĐẠT
38	1812219523	Lê Thị	Huyền	N18KDN3	5.0	Năm	ĐẠT
39	1812219524	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	N18KDN3	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
40	1813119383	Huỳnh Công	Khá	N18TPM1	6.0	Sáu	ĐẠT
41	1812219530	Lê Hoàng Bảo	Khanh	N18KDN1	7.0	Bảy	ĐẠT
42	1813119384	Bùi Duy	Khánh	N18TPM3	5.0	Năm	ĐẠT
43	1813119387	Nguyễn Hồng	Khoa	N18TPM3	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
44	1812219533	Nguyễn Thị Ái	Lâm	N18KDN4	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
45	1812219539	Trần Thị Mỹ	Linh	N18KDN1	6.0	Sáu	ĐẠT
46	1813119392	Mai Văn	Linh	N18TPM3	9.0	Chín	ĐẠT
47	1813119393	Hồ Văn Bảo	Linh	N18TPM1	7.0	Bảy	ĐẠT
48	1713114729	Võ Như Hoàng	Long	N17TPM	5.0	Năm	ĐẠT
49	1813119395	Nguyễn Văn	Long	N18TPM3	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
50	1813119396	Trương Thanh	Lực	N18TPM4	7.0	Bảy	ĐẠT
51	1813219542	Trương Văn	Lương	N18KDN1	6.0	Sáu	ĐẠT
52	1812219543	Nguyễn Thị	Mai	N18KDN1	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
53	1813119398	Trần Đức	Minh	N18TPM1	5.0	Năm	ĐẠT
54	1812219548	Trần Thị Kim	Nga	N18KDN4	5.0	Năm	ĐẠT
55	1812219551	Võ Thị	Nghĩa	N18KDN4	5.0	Năm	ĐẠT
56	1813119401	Trương Minh	Nghĩa	N18TPM1	7.0	Bảy	ĐẠT
57	1813119404	Nguyễn	Ngọc	N18TPM1	5.0	Năm	ĐẠT
58	1813119405	Trần Bảo	Ngọc	N18TPM2	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
59	1813119406	Trần Xuân	Ngọc	N18TPM3	6.0	Sáu	ĐẠT
60	1813119407	Lê Kế	Nhật	N18TPM2	6.0	Sáu	ĐẠT
61	1812219557	Lê Thị Tuyết	Nhi	N18KDN4	6.0	Sáu	ĐẠT
62	1812219558	Đinh Thị Tuyết	Nhi	N18KDN3	5.0	Năm	ĐẠT
63	1812219560	Trần Thị	Nhi	N18KDN1	5.0	Năm	ĐẠT
64	1812219562	Hoàng Nguyễn Quỳnh	Như	N18KDN4	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
65	1813119410	Lê Văn	Nhựt	N18TPM3	5.0	Năm	ĐẠT
66	1813119411	Lê Đại	Phát	N18TPM1	5.0	Năm	ĐẠT
67	1813119414	Tổng Lê Hoàng	Phúc	N18TPM4	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
68	1813119416	Trần Văn	Phúc	N18TPM2	5.0	Năm	ĐẠT
69	1813119421	Nguyễn Văn	Phước	N18TPM1	5.0	Năm	ĐẠT
70	1813119426	Nguyễn Đình	Phương	N18TPM2	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
71	1813119427	Võ Thanh	Phương	N18TPM4	8.0	Tám	ĐẠT
72	1813119431	Phạm Văn	Quý	N18TPM2	6.0	Sáu	ĐẠT

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				SỐ	CHỮ	
73	1812219571	Trần Thị Tú Quyên	N18KDN1	5.5	Năm <i>phẩy</i> Năm	ĐẠT
74	1813219573	Thái Minh Sạng	N18KDN1	5.0	Năm	ĐẠT
75	1813219575	Phạm Ngọc Sơn	N18KDN1	5.0	Năm	ĐẠT
76	1812219580	Đàm Thị Thu Sương	N18KDN2	6.5	Sáu <i>phẩy</i> Năm	ĐẠT
77	1812219581	Nguyễn Thị Tuyết Sương	N18KDN1	5.0	Năm	ĐẠT
78	1813119437	Phạm Đức Tài	N18TPM2	5.0	Năm	ĐẠT
79	1812219582	Hoàng Thị Thanh Tâm	N18KDN2	6.5	Sáu <i>phẩy</i> Năm	ĐẠT
80	1812219583	Trần Thị Thanh Tâm	N18KDN1	6.0	Sáu	ĐẠT
81	1813119438	Nguyễn Ngọc Tâm	N18TPM2	7.0	Bảy	ĐẠT
82	1813219584	Nguyễn Văn Tân	N18KDN1	7.0	Bảy	ĐẠT
83	1813119441	Nguyễn Hồ Tây	N18TPM1	7.0	Bảy	ĐẠT
84	1813119443	Võ Sỹ Thái	N18TPM4	7.0	Bảy	ĐẠT
85	1813119446	Hoàng Văn Thái	N18TPM4	6.0	Sáu	ĐẠT
86	1813219586	Trần Nhật Thanh	N18KDN1	6.0	Sáu	ĐẠT
87	1813119449	Phan Châu Thành	N18TPM1	6.0	Sáu	ĐẠT
88	1812119452	Dương Thị Phương Thảo	N18TPM3	7.5	Bảy <i>phẩy</i> Năm	ĐẠT
89	1812219589	Hồ Thị Bích Thảo	N18KDN4	6.0	Sáu	ĐẠT
90	1812219591	Trịnh Thị Phương Thảo	N18KDN3	7.0	Bảy	ĐẠT
91	1812219592	Trần Thị Thu Thảo	N18KDN1	6.0	Sáu	ĐẠT
92	1812219594	Nguyễn Thị Phương Thảo	N18KDN4	10.0	Mười	ĐẠT
93	1812219595	Lê Phương Thảo	N18KDN2	8.0	Tám	ĐẠT
94	1812219599	Hồ Thị Thu	N18KDN4	6.0	Sáu	ĐẠT
95	1812219604	Bùi Thị Thư	N18KDN2	7.0	Bảy	ĐẠT
96	1812219602	Nguyễn Thị Thủy	N18KDN1	7.0	Bảy	ĐẠT
97	1813119459	Nguyễn Huy Toàn	N18TPM1	5.0	Năm	ĐẠT
98	1813119462	Nguyễn Thanh Trà	N18TPM3	5.0	Năm	ĐẠT
99	1812219610	Phan Thị Kiều Trâm	N18KDN3	3.0	Ba	KHÔNG ĐẠT
100	1812219609	Đoàn Thị Thu Trang	N18KDN1	6.0	Sáu	ĐẠT
101	1812219612	Trần Thị Lê Trúc	N18KDN1	6.0	Sáu	ĐẠT
102	1813119472	Đặng Quốc Tuấn	N18TPM4	3.0	Ba	KHÔNG ĐẠT
103	1813219614	Đặng Minh Tuấn	N18KDN2	5.0	Năm	ĐẠT
104	1813119474	Nguyễn Thế Tùng	N18TPM2	6.0	Sáu	ĐẠT
105	1813219617	Hoàng Thanh Tùng	N18KDN1	5.0	Năm	ĐẠT
106	1812219618	Lê Thị Bạch Tuyết	N18KDN3	5.0	Năm	ĐẠT
107	1812219619	Trần Thoại Uyên	N18KDN1	3.0	Ba	KHÔNG ĐẠT
108	1812219620	Phan Thị Ái Vi	N18KDN3	5.0	Năm	ĐẠT
109	1713219917	Nguyễn Quốc Việt	N17KDN1	5.0	Năm	ĐẠT
110	1813119477	Bùi Quốc Việt	N18TPM4	3.0	Ba	KHÔNG ĐẠT

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				SỐ	CHỮ	
111	1813119478	Trần Nhật Vinh	N18TPM1	5.0	Năm	ĐẠT
112	1813119480	Nguyễn Tuấn Vũ	N18TPM1	3.0	Ba	KHÔNG ĐẠT
113	1813119481	Phạm Nguyên Vũ	N18TPM1	5.0	Năm	ĐẠT
114	1812219628	Nguyễn Thị Thiên Hương	N18KDN4	6.0	Sáu	ĐẠT
115	1813119333	Phạm Thành Công	N18TPM3	5.0	Năm	ĐẠT

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ
1	Số sinh viên đạt	109	95%
2	Số sinh viên nợ	6	5%
TỔNG CỘNG :		115	100%

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 05 năm 2015
CT.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

ThS. Nguyễn Ân

PGS. TS Lê Đức Toàn